

BÁO CÁO

**Kết quả công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ
công tác năm 2025 của ngành Nội vụ**

Năm 2024 bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường¹; trong nước phải đối mặt với không ít yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những khó khăn nội tại, thiên tai, hạn hán, bão lũ ảnh hưởng toàn diện đến đời sống kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế, tác động đến các ngành, lĩnh vực trong đó có các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và ngành Nội vụ. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, toàn ngành Nội vụ đã cùng đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực vượt qua những khó khăn, tập trung triển khai kịp thời, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần vào thành tựu chung to lớn về phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội; góp phần xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Trên cơ sở tổng kết công tác của Bộ và toàn ngành Nội vụ, báo cáo này tập trung đánh giá những kết quả đã đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2025.

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024 CỦA NGÀNH NỘI VỤ

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả

Trong năm 2024, thực hiện phương châm của Chính phủ “*Kỷ cương, trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*” và phương châm hành động của ngành Nội vụ “*Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả*”, công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Nội vụ được thực hiện thống nhất, đồng bộ bám sát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các nghị quyết của Quốc hội²; các nghị quyết³, chương

¹ Như: Điểm nóng xung đột, căng thẳng trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn các nguy cơ lan rộng như xung đột Nga - Ukraine, xung đột tại Trung Đông, căng thẳng tại Biển Đỏ; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, công nghệ, thương mại, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gặp nhiều khó khăn, thách thức...

² Như: (i) Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về phát triển KTXH năm 2024; (ii) Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; (iii) Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH...

³ Như: (i) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; (ii) Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

trình hành động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Quốc hội về tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc triển khai nhiệm vụ ngành Nội vụ năm 2024, nổi bật là:

- Các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác được Bộ, ngành Nội vụ chủ động xây dựng, ban hành sớm để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao, như: Chương trình hành động của ngành Nội vụ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ⁴; Chương trình công tác năm 2024 của Bộ Nội vụ⁵; Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024⁶. Đồng thời, thường xuyên rà soát, đôn đốc, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ trọng tâm, phức tạp của Bộ, của Chính phủ để tham mưu giải quyết và đề ra các giải pháp thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng⁷.

Sau khi Bộ Nội vụ ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đơn vị tổ chức cán bộ ở các bộ, ngành và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động, kịp thời tham mưu cho bộ, ngành, địa phương ban hành các chương trình, kế hoạch công tác, các văn bản chỉ đạo để tiếp tục cụ thể hoá các nhiệm vụ về công tác nội vụ phù hợp với tình hình thực tiễn của bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, cùng với việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đề ra, Bộ, ngành Nội vụ đã chú trọng chỉ đạo, tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ được giao bổ sung. Theo Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ từ đầu năm 2024 đến nay, Bộ Nội vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện **257** nhiệm vụ, trong đó, đã hoàn thành **200** nhiệm vụ có thời hạn, đang tiếp tục thực hiện **57** nhiệm vụ (*trong đó: 06 nhiệm vụ có thời hạn năm 2025 và 51 nhiệm vụ không có thời hạn*); không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Bộ Nội vụ thực hiện nghiêm, bám sát quy định tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW⁸ với nhiều nội dung, nhiệm vụ cụ thể.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc cho tổ chức, công dân được tăng cường; việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia được thực hiện đồng bộ, mang lại nhiều tiện ích, tiết kiệm thời gian và chi phí.

⁴Quyết định số 30/QĐ-BNV ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

⁵Quyết định số 01/QĐ-BNV ngày 01/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

⁶Quyết định số 1062/QĐ-BNV ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

⁷Từ đầu năm 2024 đến nay đã ban hành **60** thông báo kết luận, công văn chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

⁸Quyết định số 123/QĐ-BNV ngày 07/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Tại Bộ Nội vụ, Lãnh đạo Bộ tiếp tục tăng cường các cuộc họp, chỉ đạo trực tuyến; thực hiện cải cách hành chính và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong công tác chuyên môn, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, công dân, nổi bật là Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ Nội vụ tiếp tục duy trì nhóm dẫn đầu của các bộ, ngành (xếp thứ 4). Việc rà soát, đơn giản hóa TTHC được Lãnh đạo Bộ chỉ đạo quyết liệt, năm 2024 Bộ Nội vụ đã ban hành **05** Quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, đã công bố công khai đối với **150** TTHC thuộc các lĩnh vực tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, tổ chức, hoạt động và quản lý hội, lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng.

- Công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương và giữa Sở Nội vụ với các sở, ngành tiếp tục được quan tâm, chú trọng, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác chỉ đạo, trao đổi, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ được tăng cường. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu giải quyết, trả lời **320** kiến nghị của cử tri gửi Kỳ họp thứ 6, 7 và trước Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV bảo đảm chất lượng, tiến độ, được Quốc hội, cử tri và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao; tiếp nhận, trả lời **385** kiến nghị, đề xuất, đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ, ngành, địa phương; tiếp nhận và trả lời 100% (920/920) phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi đến Cổng Thông tin điện tử của Bộ và Cổng Dịch vụ công quốc gia thuộc thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn trực tiếp, trực tuyến về nghiệp vụ trong các lĩnh vực công tác của Bộ.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm, đầu tư nghiên cứu những kiến nghị, đề xuất; những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật nên việc trả lời, hướng dẫn còn nặng về viện dẫn văn bản, chưa tập trung giải đáp những vấn đề trọng tâm mà bộ, ngành và địa phương quan tâm.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Công tác xây dựng thể chế, chính sách

1.1. Kết quả

Bộ Nội vụ xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, xuyên suốt trong công tác quản lý nhà nước và Chiến lược phát triển của ngành Nội vụ; theo đó đã kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc bất cập trong việc thực hiện cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ tạo sự thống nhất, thông suốt để thực hiện. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư **06** văn bản, đề án; trình Quốc hội thông qua **04** Luật và Nghị quyết; trình UBTVQH thông qua **53** Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành **10** Nghị định, **60** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **28** Quyết định, **01** Chỉ thị, **01** Công điện; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **13** Thông tư và **10** văn bản hợp nhất. Đặc biệt, đã tập trung nghiên cứu, rà soát đề xuất cấp có thẩm quyền hồ sơ đề nghị sửa đổi

03 Luật: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn, cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế; tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, cải cách công vụ, công chức theo hướng năng động, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức, viên chức (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Đồng thời, trình Bộ Chính trị cho ý kiến thống nhất về chủ trương đề trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về các nội dung cải cách chính sách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Theo đó, năm 2024 điều chỉnh tăng lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ **1.800.000** đồng/tháng lên **2.340.000** đồng/tháng (tăng **30%** - mức cao nhất từ trước đến nay) và hướng dẫn thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng quỹ lương cơ bản.

Nhìn chung, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế đã có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thiết lập cơ sở pháp lý vững chắc để tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Chính phủ, Chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Trọng tâm là: (1) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các cơ quan, tổ chức; (2) Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tinh gọn phù hợp với mô hình nông thôn, đô thị, hải đảo; (3) Đổi mới công vụ, công chức xây dựng đội ngũ CBCCVC có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, phục vụ Nhân dân; (4) Thực hiện cải cách chính sách tiền lương cho CBCCVC và lực lượng vũ trang theo lộ trình, từng bước phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; (5) Đổi mới công tác lưu trữ gắn với chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Qua đó đã góp phần quan trọng khơi thông điểm nghẽn về thể chế, góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

1.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về lĩnh vực nội vụ còn có mặt chưa thực sự đầy đủ, kịp thời với các quy định của Đảng do phải tuân thủ nhiều quy trình, thủ tục chặt chẽ của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong công tác rà soát, đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đôi lúc chưa bảo đảm được tiến độ theo kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức bộ máy và biên chế

2.1. Kết quả

a) Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các ĐVSNCL

Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Bộ Nội vụ đã

chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ cho ý kiến và Bộ Chính trị trước ngày 31/12/2024; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan tham mưu trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; tích cực đề xuất cơ chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh đối với CBCCVC và người lao động làm cơ sở để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, gắn tinh giảm biên chế với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Đây là khối lượng công việc rất lớn, phức tạp, nhạy cảm, song với sự thống nhất về nhận thức và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, kết quả đến nay đã cơ bản hoàn thành các đề án để báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương.

Qua đó tạo tiền đề và cơ sở pháp lý quan trọng cho việc sắp xếp, giảm số lượng các bộ, sở, phòng và cơ cấu tổ chức bên trong tinh gọn theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót hoặc không rõ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí thành lập tổ chức theo chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật; đồng thời tập trung xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) trình cấp thẩm quyền theo kế hoạch⁹.

Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy tại **63** tỉnh, thành phố: tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện, lũy kế đến nay, giảm **13** Sở và tương đương; **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

b) Công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW thống nhất trong quản lý và đến hết năm 2026 số biên chế tối đa bằng số Bộ Chính trị đã phê duyệt, bảo đảm theo lộ trình tinh giản biên chế của giai đoạn 2022-2026¹⁰, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2023¹¹; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế để trình Bộ Chính trị cho phép điều chuyển, bổ sung biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNNCL¹². Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã hướng dẫn các bộ, ngành,

⁹ Kế hoạch số 659/KH-BNV ngày 05/02/2024 và Quyết định số 165/QĐ-BNV ngày 08/3/2024.

¹⁰ Giai đoạn 2022-2026, Bộ Chính trị quản lý, giao biên chế theo mục tiêu, do đó tại các Quyết định giao biên chế giai đoạn 05 năm (2022 - 2026) cho các cơ quan của hệ thống chính trị đã thực hiện: Giảm 5% biên chế công chức; Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN (đối với bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong các ĐVSNNCL chưa tự chủ tài chính tại 29 bộ, ngành giai đoạn 2022 - 2026, giảm 17.736 biên chế, tương ứng giảm 14,84% so với số biên chế giao năm 2021).

¹¹ Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

¹² Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023.

địa phương thực hiện chính sách tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước gắn với việc phê duyệt VTVL và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng của đội ngũ CBCCVC, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị¹³.

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (*trong đó, bộ, ngành là 217 người, địa phương là 15.932 người*). Các bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm.

c) Về xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm

Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ¹⁴ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực¹⁵, các địa phương đã tích cực chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn về VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Xác định việc phê duyệt VTVL là nhiệm vụ trọng tâm cần sớm hoàn thành với tinh thần “*vừa làm, vừa hoàn thiện, không cầu toàn theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo*” và thực hiện hiệu quả phân cấp trong việc phê duyệt VTVL. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNC¹⁶.

Địa phương thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và quản lý biên chế, như: Hưng Yên, Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ninh, Đồng Nai, Kon Tum, Quảng Ngãi, An Giang, Hậu Giang, Sơn La, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Nhận thức, trách nhiệm của một số bộ, ngành, địa phương nhất là người đứng đầu chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện;

¹³ Văn bản số 2992/BNV-TCBC ngày 28/5/2024.

¹⁴ 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong CQ, TCHC và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNC; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

¹⁵ 20 Thông tư của 20 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNC.

¹⁶ Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 22 vị trí.

- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- VTVL trong ĐVSNC: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

- Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian là việc khó, đụng chạm đến lợi ích của tổ chức và cá nhân, đây là việc rất phức tạp và nhạy cảm nên một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện;

- Sự phối hợp giữa một số bộ, ngành trong việc tham mưu, ban hành quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của các ĐVSNCL chưa hiệu quả;

- Việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo VTVL chưa thực hiện đồng bộ.

3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

3.1. Kết quả đạt được

a) Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Bộ Nội vụ tập trung nghiên cứu rà soát, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả bằng các giải pháp cụ thể, theo đó tham mưu ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC¹⁷ đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; hoàn thiện quy định tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý; tích cực phối hợp các cơ quan liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong cơ quan nhà nước và ĐVSNCL, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá CBCCVC dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, bằng sản phẩm cụ thể; sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đánh giá, xếp loại CBCCVC bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng và phù hợp với yêu cầu đổi mới, cải cách công vụ. Đổi mới và phân cấp triệt để trong tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; bỏ quy định thi thăng hạng, chỉ quy định về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; cải cách thủ tục, quy trình tuyển dụng; tăng cường ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; tăng cường tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Đẩy mạnh triển khai việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính

¹⁷ Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; dự thảo Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan nhà nước và ĐVSNCL; dự thảo Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp; Nghị định thay thế Nghị định số 25/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức...

trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có sai phạm, vi phạm pháp luật; đồng thời, thực hiện các biện pháp nhằm đẩy lùi tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2024, các bộ, ngành và địa phương đã tuyển dụng được **39.281 CCVC** (có 3.879 công chức; 35.402 viên chức). Trong đó bộ, ngành tuyển dụng **3.740 CCVC** (561 công chức; 3.179 viên chức); các địa phương tuyển dụng **35.541 CCVC** (3.318 công chức; 32.223 viên chức), tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **230 người** (trong đó 170 sinh viên xuất sắc, 60 cán bộ khoa học trẻ).

Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển dụng và quản lý CBCCVC gắn với siết chặt kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; tăng cường thanh tra công vụ, công chức tại các bộ, ngành, địa phương, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC. Theo đó, năm 2024 các bộ, ngành, địa phương đã xử lý kỷ luật **4.741 CBCCVC** (cán bộ **390 người**; công chức **1.092 người**, viên chức **3.259 người**).

b) Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2023-2025¹⁸ nhằm tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan trọng hệ thống chính trị đến năm 2030. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã mang lại kết quả tích cực; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, bồi dưỡng theo VTVL và đạo đức công vụ, theo đó đã tổ chức thành công **07** khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc gia. Kết quả năm 2024 cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng **642.049 lượt CBCCVC** (Bộ, ngành: **26.536 lượt người**¹⁹; địa phương: **615.513 lượt người**²⁰).

Các địa phương đã chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý CBCCVC theo ngành, lĩnh vực; công tác tuyển dụng, sử

¹⁸ Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 16/01/2023 của Bộ Nội vụ.

¹⁹ Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 259 lượt công chức; 2.566 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 5.885 lượt công chức; 16.826 lượt viên chức.

²⁰ Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 13.300 lượt công chức; 19.776 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 207.277 lượt công chức; 375.160 lượt viên chức.

dụng CBCCVC được thực hiện đúng quy định, phù hợp nhu cầu và theo VTVL, tiêu biểu như: Hà Nội; TP. Hồ Chí Minh; Hải Phòng; Nam Định; Quảng Ninh; Huế; Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghệ An, Quảng Bình, An Giang.

c) Về chính sách tiền lương

Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tập trung cao độ xây dựng Tờ trình và Báo cáo trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành Kết luận số 83-KL/TW làm cơ sở để trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/QH15; tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương thảo luận kỹ lưỡng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công. Trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị được đồng đảo CBCCVC phân khởi đón nhận; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội có tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội được dư luận đồng tình, đánh giá cao.

Để triển khai kịp thời, đồng bộ với quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ chủ động tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tỏi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp²¹; ban hành theo thẩm quyền Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc²².

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn nê nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL;
- Chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng trong hoạt động công vụ chưa thực sự tạo động lực thu hút nhân lực có chất lượng cao;
- Một số cơ quan, đơn vị về kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa được quan

²¹ Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

²² Gồm: (1) Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; (2) Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

tâm đúng mức; tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ chưa được khắc phục triệt để.

4. Xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính

4.1. Kết quả

Triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; đồng thời đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá và tổng kết thi hành Luật làm cơ sở để trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) cho phù hợp với thực tiễn; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045²³; xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động²⁴.

Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương để kịp thời xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ để trình UBTVQH thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025: Thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp **38** ĐVHC cấp huyện và **1.178** ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm **09** đơn vị cấp huyện và **563** đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp **137** đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có **45%** ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị, góp phần tạo ra một diện mạo mới về hệ thống tổ chức hành chính đô thị ở Việt Nam. Ngay trong năm 2024 về cơ bản đã hoàn thành mục tiêu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 để các địa phương tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp vào năm 2025.

Tổ chức triển khai và đánh giá việc thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của Hiến pháp 2013; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng tại khu vực núi Hải Vân và hòn Sơn Chà (Sơn Trà con); Quyết định công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp các tỉnh Bình Thuận, Sơn La, Bắc Giang; Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tập trung nghiên cứu, đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2020/QH14.

²³ Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁴ Tờ trình số 1486/TTr-BNV ngày 19/3/2024 của Bộ Nội vụ.

Sở Nội vụ các địa phương đã tích cực tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chính quyền địa phương, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, tiêu biểu như: Nam Định, Tuyên Quang, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Cần Thơ, Phú Yên, Tiền Giang, Hải Dương.

4.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Thời gian đầu nhận thức của một số địa phương chưa thực sự đầy đủ nên chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc sắp xếp ĐVHC đã tạo áp lực công việc vào thời điểm cuối năm;

- Việc triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở một số địa phương thời gian đầu còn gặp khó khăn về quy hoạch, về tiêu chí đánh giá đô thị theo quy định của pháp luật.

5. Cải cách hành chính

5.1. Kết quả

Với vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ²⁵; phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo²⁶; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo²⁷; ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo²⁸, Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo²⁹. Tham mưu Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức thành công Phiên họp thứ 7 và thứ 8 của Ban Chỉ đạo; tổ chức thành công Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR INDEX 2023). Kết quả cụ thể như sau: Giá trị trung bình chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2023 đạt **84.38%** (tăng **0.33%** so với năm 2022), chỉ số CCHC của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giá trị trung bình năm 2023 đạt **86.98%** (tăng **2.19%** so với năm 2022); Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nói chung trong cả nước năm 2023 đạt **82,66%** (tăng **2.58%** so với năm 2022).

Kịp thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo nhiều giải pháp đẩy mạnh CCHC trên từng lĩnh vực, trọng tâm là giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; tham mưu đổi mới tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, chấn chỉnh nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các bộ,

²⁵ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024

²⁶ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2022; Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 24/10/2024.

²⁷ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

²⁸ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

²⁹ Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024

ngành, địa phương.

Công tác cải cách hành chính được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, tập trung đẩy mạnh thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là cải cách TTHC, hệ thống thông tin giải quyết TTHC kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần khơi thông nguồn lực phát triển; **100%** các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá cải cách hành chính phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Cùng với việc đôn đốc cập nhật đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC bảo đảm “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp với CSDLQG về dân cư để làm sạch dữ liệu; đồng thời tập trung chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng các CSDL chuyên ngành Nội vụ để phục vụ công tác QLNN thuộc lĩnh vực nội vụ và công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ³⁰.

Về lĩnh vực cải cách hành chính các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt gồm: Bộ Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước; Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quảng Ninh, Hà Nội, Bắc Giang, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Hoạt động cung ứng dịch vụ hành chính công trực tuyến còn gặp một số khó khăn do thói quen của tổ chức, công dân khi làm việc với cơ quan nhà nước còn có tâm lý muốn đến trực tiếp Bộ phận Một cửa để trực tiếp nộp hồ sơ nên tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến chưa cao.

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo thực hiện CCHC chưa hiệu quả;

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC chưa đồng đều; trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

6. Công tác thi đua, khen thưởng

6.1. Kết quả

Ngay khi được Quốc hội thông qua, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua khen thưởng để bảo đảm thực hiện Luật từ ngày 01/01/2024. Với vai trò là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024; kiện toàn thành viên và sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Hội đồng theo quy định; hướng dẫn bộ, ban, ngành,

³⁰ Kết quả đến nay, đã đồng bộ được 2.384.570 hồ sơ (263.929 hồ sơ của bộ, ngành; 2.120.641 hồ sơ của địa phương); đồng thời chủ động kết nối với CSDLQG về dân cư và đối khớp, xác thực dữ liệu được tổng số 1.090.749/1.090.806 hồ sơ. Hiện nay Bộ Nội vụ đang tập trung chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng 7 CSDL chuyên ngành nội vụ phục vụ công tác QLNN của Bộ

địa phương tổ chức Đại hội thi đua các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để tổng hợp, nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ vướng mắc.

Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã chủ trì tham mưu cho Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương, Thủ tướng Chính phủ phát động và triển khai được nhiều phong trào, đợt thi đua đặc biệt, như: Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm để hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”; phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nay đến năm 2025”; phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Vì người nghèo - Không để ai bị để lại phía sau” giai đoạn 2021-2025,... các phong trào thi đua ngày càng đi vào thực chất, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương và đất nước, tháo gỡ những điểm nghẽn, khâu khó để khai thông tới đa các nguồn lực phục vụ cho sự phát triển, khơi dậy tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, tích cực đổi mới, sáng tạo tạo không khí thi đua sôi nổi, tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ và có tác động tích cực trên các mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội.

Các địa phương đã tập trung ban hành kế hoạch và phát động thi đua năm 2024; tích cực hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tiêu biểu như: Tuyên Quang, Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Long, Thái Bình...

6.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 theo thẩm quyền;
- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua yêu nước ảnh hưởng đến hiệu quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng.
- Nhận thức về vị trí, vai trò và tác dụng của phong trào thi đua và công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến có nơi, có lúc chưa đầy đủ và sâu sắc.

7. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo

7.1. Kết quả

Bộ Nội vụ chủ động nắm bắt tình hình và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành, địa phương kịp thời báo cáo, tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo, những vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo làm ảnh hưởng tới an

ninh, trật tự, an toàn xã hội³¹; nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên theo quy định; chủ động nắm bắt tình hình, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo; hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công tác tôn giáo tại địa phương và tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn³².

Triển khai các văn bản QPPL về tín ngưỡng, tôn giáo theo Kế hoạch; báo cáo Ban Bí thư, triển khai kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới³³; tổ chức tổ chức Hội thảo Thư Giáo hoàng gửi Giáo hội Công giáo Việt Nam và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổ chức Hội thảo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chủ trương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak năm 2025 tại TP. Hồ Chí Minh và triển khai các hoạt động hỗ trợ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại lễ Vesak bảo đảm trang trọng, chu đáo, đúng nghi lễ truyền thống Phật giáo, an ninh, an toàn; triển khai Kế hoạch công tác Việt Nam - Vatican và nâng cấp cơ quan Đại diện Thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam nhằm tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Vatican.

Tham mưu tổ chức đoàn chức sắc, chức việc tôn giáo chào thăm, chúc mừng Chủ tịch nước Tô Lâm trong không khí vui tươi, phấn khởi, qua đó thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, nhà nước đối với tôn giáo; Đoàn chức sắc, chức việc, cốt cán các tôn giáo tỉnh Ninh Thuận chào, thăm Thủ tướng Chính phủ và một số cơ quan Trung ương. Chủ động, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và các cơ quan liên quan vận động, tranh thủ, đấu tranh để Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách theo dõi đặc biệt về tự do tôn giáo - SWL.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và các sở, ban, ngành liên quan kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động cốt cán, chức sắc, chức việc các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; đấu tranh, phản bác một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc...

³¹ Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vụ việc liên quan đến tôn giáo: (1) “Xả lợi tóc Đức Phật” tại chùa Ba Vàng, tỉnh Quảng Ninh; (2) Kết quả giải quyết vụ việc liên quan đến ông Lê Anh Tú (Thích Minh Tuệ); (3) Vụ việc liên quan đến Thượng tọa Thích Chân Quang; (4) Vụ việc liên quan đến ông Thạch Chanh Đa Ra tỉnh Vĩnh Long; (5) Vụ việc liên quan đến Đoàn Campuchia tổ chức Dâng y tại chùa Xoài Xiêm Mới tỉnh Trà Vinh; (6) Phức tạp trong mâu thuẫn nội bộ của Phật giáo Hòa Hảo...

³² Văn bản số 321/BNV-TGCP ngày 19/01/2024.

³³ Kết quả tổng kết 20 năm thực hiện công tác đối với Hồi Giáo; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 65/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 63-KL/TW về chủ trương công tác đối với Công giáo Việt Nam trong tình hình hiện nay; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới; Tổng kết 25 năm thực hiện Thông báo số 165-TB/TW về chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo và tham mưu Ban Bí thư ban hành Kết luận số 95-KL/TW ngày 20 tháng 9 năm 2024 về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới; trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Chỉ thị 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo.

Một số địa phương làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thái Bình, Nghệ An, Huế, Bình Thuận, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long...

7.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Bên cạnh những kết quả nổi bật nêu trên, song tình hình tôn giáo vẫn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, cần được quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ sớm, từ xa việc lợi dụng hoạt động tôn giáo để vi phạm pháp luật, ảnh hưởng tới sự ổn định xã hội;

- Chưa có chính sách đặc thù tạo động lực cho những cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

8. Công tác văn thư, lưu trữ

8.1. Kết quả

Bộ Nội vụ đã tập trung tham mưu trình Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi), nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; đổi mới hoạt động quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về lưu trữ, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn công tác lưu trữ hiện nay. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chương trình công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước; xây dựng hệ thống nền tảng lưu trữ số quốc gia phục vụ quản lý và tổ chức sử dụng hiệu quả tài liệu lưu trữ điện tử thuộc Phong Lưu trữ nhà nước Việt Nam; phối hợp với các cơ quan tổng hợp thông tin, số liệu về kết quả và nhu cầu sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm ở trong nước và nước ngoài; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động triển lãm, công bố, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ về các chủ đề: 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; Chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa; Tòa nhà Quốc hội Việt Nam; tổ chức triển lãm trực tuyến “Điện Biên theo dòng lịch sử qua tài liệu lưu trữ”...; hướng dẫn phương hướng, nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ năm 2024 đối với các bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn, trả lời, giải đáp nghiệp vụ cho các cơ quan, tổ chức và cấp 48 phôi Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

8.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa thực sự được quan tâm đến công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ văn thư, lưu trữ nhất là lưu trữ điện tử;

- Việc đầu tư trang thiết bị lưu trữ chưa bảo đảm đầy đủ và đồng bộ theo quy định của Luật Lưu trữ.

9. Công tác thanh niên; công tác dân vận, dân chủ, cán bộ nữ

Tập trung đơn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và tổ chức kiểm tra, đánh giá

kết quả thực hiện Chương trình phối hợp số 03-CTr/BDVTW-BCSĐCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai đoạn 2021-2026; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Tham mưu tổ chức thành công Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt và đối thoại với thanh niên năm 2024 và gặp mặt nữ lãnh đạo, quản lý cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, đại diện các nhà khoa học nữ, nữ trí thức tiêu biểu và trao giải thưởng Kovalevskaia năm 2023 nhân dịp kỷ niệm 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2023; hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương thống kê nữ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “*Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030*”; tổ chức Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm và giao lưu thanh niên tại Hàn Quốc năm 2024.

10. Quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ

Năm 2024, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế về lĩnh vực quản lý hội, quỹ góp phần quan trọng vào hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về hội, quỹ; đồng thời đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội, quỹ theo hướng tự chủ, tự quản góp phần tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn tồn tại nhiều năm qua. Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2023³⁴. Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thành lập, điều lệ, hồ sơ tổ chức Đại hội của các hội³⁵, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện³⁶; hồ sơ đề nghị phê duyệt khoản viện trợ không hoàn lại nước

³⁴ Báo cáo số 1625/BC-BNV ngày 25/3/2024 và Báo cáo số 124/BC-BNV ngày 29/3/2024.

³⁵ -Gồm 08 Quyết định về thành lập hội, quỹ (*Liên đoàn Triathlon Việt Nam, Hội Thanh niên khuyết tật Việt Nam, Liên đoàn Thuyền máy thể thao Việt Nam, Hội Nội soi tiêu hóa can thiệp Việt Nam, Quỹ Kiến tạo cuộc sống vì cộng đồng, Quỹ Thiện nguyện nụ cười, Quỹ Kiến tạo cuộc sống vì cộng đồng*); 32 Quyết định về việc phê duyệt Điều lệ và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của các hội; cho phép 40 hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, bất thường.

- Gồm 03 Quyết định về việc công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung), 03 Quyết định về việc công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, 11 Quyết định về việc công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

- Gồm 10 Quyết định về việc phê duyệt và điều chỉnh văn kiện dự án tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại nước ngoài cho các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

³⁶ Gồm 17 Quyết định phê duyệt Điều lệ: Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài Việt Nam; Liên đoàn Judo Việt Nam; Liên đoàn Cờ tướng Việt Nam; Hội Y học giới tính Việt Nam; Hội Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Việt Nam; Hội Toán học Việt Nam; Hội Điện Quang và Y học hạt nhân Việt Nam; Hội Nội thất Việt Nam; Hiệp hội Thể Thao Công an nhân dân Việt Nam; Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam; Hiệp hội Nhựa Việt Nam; Hội Hậu môn - Trục tràng Việt Nam; Hiệp hội Bưu chính Việt Nam; Hiệp hội Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam; Hội Chấn thương chỉnh hình Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; Hội Khoa học kỹ thuật Bảo vệ thực vật Việt Nam.

ngoài cho các hội, quỹ theo đúng quy định pháp luật; triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2024; tập trung tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp trong các hội; tổ chức hội nghị về công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ tại Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội; tổ chức phát động thi đua và hướng dẫn khen thưởng đối với công tác hội, quỹ năm 2024.

11. Công tác thanh tra, pháp chế

a) Công tác thanh tra, kiểm tra

Năm 2024 (đến ngày 15/11/2024), Bộ Nội vụ đã tiếp nhận và xử lý **1.516** đơn, trong đó có **502** đơn tố cáo, **238** đơn khiếu nại và **776** đơn kiến nghị phản ánh, tất cả các đơn thư đều được tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn theo luật định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tiến hành kiểm tra tình hình công chức, viên chức thôi việc, bỏ việc, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công vụ liên quan đến người dân và doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ. Tổ chức **23/23** cuộc thanh tra tại các bộ, ngành, địa phương theo Kế hoạch năm 2024³⁷.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại các bộ, ngành, địa phương đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật, công vụ; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách và áp dụng pháp luật để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định pháp luật cho phù hợp; phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, thu hồi các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Để nâng cao kỷ luật, kỷ cương, chủ động phòng ngừa vi phạm trong thực thi công vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 và đã tổ chức **2.792** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (*trong đó: 326 cuộc thanh tra và 2.466 cuộc kiểm tra*).

b) Công tác pháp chế

Đã ban hành và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả **09** Chương trình, kế hoạch công tác³⁸; rà soát hơn **1.000** văn bản QPPL và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ giai đoạn 2019-2023, trong đó **688** văn bản còn có hiệu lực, **37** văn bản hết hiệu lực một phần, **96** văn bản hết hiệu lực toàn bộ, **52** văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; tổ chức **07**

³⁷Các bộ, ngành, địa phương: Hưng Yên; Thái Nguyên; Hậu Giang; Yên Bái; Trà Vinh, Quảng Trị; Lâm Đồng, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng... Thông báo kết thúc theo dõi việc thực hiện Kết luận thanh tra đối với UBND tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Ninh Thuận, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

³⁸Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 10/01/2024 ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 26/QĐ-BNV ngày 16/01/2024 ban hành Kế hoạch hợp nhất VBQPPL năm 2024; Quyết định số 29/QĐ-BNV ngày 17/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 52/QĐ-BNV ngày 29/01/2024 ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ năm 2024; Quyết định số 73/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện pháp điển hệ thống QPPL đối với 02 Đề mục: Cán bộ, công chức và Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quyết định số 74/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch kiểm tra trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật tại các bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 591/QĐ-BNV ngày 23/8/2024 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô.

đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật kết hợp kiểm tra văn bản QPPL³⁹; tham gia ý kiến đối với **158** Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ; góp ý đối với **163** văn bản QPPL (gồm: 65 dự án và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; 03 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; 95 dự thảo Nghị định và 100 dự thảo Thông tư của Bộ, ngành); thực hiện kiểm tra **436** văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nội vụ; đã tổ chức biên soạn tài liệu phổ biến, tuyên truyền thể chế, chính sách lĩnh vực nội vụ.

Công tác thanh tra, pháp chế năm 2024 đạt được kết quả tích cực, kịp thời rà soát, điều chỉnh, kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL lĩnh vực nội vụ cho phù hợp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra theo đúng Kế hoạch và đột xuất; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ và kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm CBCCV suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Nội vụ.

12. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số và công tác truyền thông

a) Năm 2024, hoạt động đối ngoại diễn ra sôi động, nhiều hoạt động hợp tác có ý nghĩa chiến lược, quan trọng góp phần nâng tầm vai trò, vị thế của Bộ, ngành Nội vụ, như: Tổ chức Đoàn công tác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thăm, làm việc chính thức tại nước CHDCND Lào⁴⁰, Cộng hoà Pháp, Hàn Quốc và triển khai hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế theo Kế hoạch⁴¹.

Triển khai thực hiện các Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026”, Đề án “Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030”, “Đề án phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ theo Kế hoạch năm 2024; Kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026 giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ Lào; Kế hoạch Hợp tác quốc tế của Cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024. Ký kết Bản Thỏa thuận Hành chính giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Công vụ, Đơn giản hóa và Chuyển đổi dịch vụ công Pháp về hợp tác trong lĩnh vực công vụ và hiện đại hóa nền hành chính, giai đoạn 2025-2030; Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ và An toàn Hàn Quốc trong lĩnh vực Hành chính công; Bản ghi nhớ về trao đổi kinh nghiệm về hiện đại hóa và phát triển Chính phủ giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Các

³⁹ Tại 06 tỉnh: Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghệ An; Sơn La; Tuyên Quang; Đắk Lắk, Bình Dương và Bộ Quốc phòng.

⁴⁰ Kế hoạch số 711/KH-BNV ngày 07/02/2024 của Bộ Nội vụ.

⁴¹ Triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai “Đề án phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026 giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ Lào; Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026” năm 2024; Kế hoạch Hợp tác quốc tế của Cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Ký kết Bản Thỏa thuận Hành chính giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Công vụ, Đơn giản hóa và Chuyển đổi dịch vụ công Pháp về hợp tác trong lĩnh vực công vụ và hiện đại hóa nền hành chính, giai đoạn 2025-2030; Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ và An toàn Hàn Quốc trong lĩnh vực Hành chính công; Bản ghi nhớ về trao đổi kinh nghiệm về hiện đại hóa và phát triển Chính phủ giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Các vấn đề nội các UAE; tiếp tục triển khai ký kết bản ghi nhớ hợp tác với Bộ Phát triển địa phương Ai Cập. Tổ chức buổi chào xã giao và làm việc của Lãnh đạo Bộ với Trưởng đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA); Đoàn công tác Cơ quan Giáo dục quốc tế Canada; Đại sứ Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE); Đại diện thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam; Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản (GRIPS); JCLAIR Singapore; Đại sứ quán Pháp; trường Đại học Hiroshima (HU).

vấn đề nội các UAE. Tổ chức buổi chào xã giao và làm việc của Lãnh đạo Bộ với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài. Tổ chức thành công các Hội thảo quốc tế với Nhật, các nước ASEAN+3.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học bám sát việc hoàn thiện cơ sở lý luận, luận cứ khoa học phục vụ công tác xây dựng thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước ngành Nội vụ; tổ chức xét duyệt, nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài, dự án đảm bảo chất lượng, tính khả thi để áp dụng vào thực tiễn⁴². Làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội và bồi dưỡng CBCCVC trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

c) Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của ngành Nội vụ

Xác định công tác chuyển đổi số và tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành là nhiệm vụ chính trị quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, Bộ Nội vụ đã ưu tiên, tập trung nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngay từ đầu năm 2024. Theo đó, đã ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ; tổ chức rà soát, thống kê số lượng công chức, viên chức của Bộ Nội vụ có chuyên ngành công nghệ thông tin làm cơ sở huy động tối đa, hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ. Đến nay, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC được trên 2,3 triệu hồ sơ; đồng thời phối hợp với Bộ Công an đối khớp được tổng trên 1 triệu hồ sơ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chủ trì, phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an, Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho CBCCVC ngành Nội vụ và hỗ trợ tạo lập CSDL chuyên ngành Nội vụ với sự tham gia của **19.134** học viên của bộ, ngành, địa phương, qua đó góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, các dịch vụ công thiết yếu, các công nghệ phục vụ chuyển đổi số, an ninh và an toàn thông tin trong không gian số.

Tích cực đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước lĩnh vực nội vụ; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới; định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan ngành Nội vụ.

Cùng với Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ ở các địa phương và công tác tổ chức cán bộ của các bộ, ngành Trung ương đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện các mặt công tác trọng tâm và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết ngành Nội vụ năm 2024, qua đó kịp thời tham mưu cho lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ; đồng thời đóng góp quan trọng, tích cực vào kết quả chung của Bộ và toàn ngành Nội vụ.

⁴² Tổ chức công nhận kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; Báo cáo kết quả nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về xây dựng Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Báo cáo kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số quốc gia trên thế giới; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCHTW Đảng; tổ chức nghiệm thu, triển khai các đề tài, đề án, dự án theo kế hoạch.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Ngay từ đầu năm, Bộ Nội vụ và các địa phương đã xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần ưu tiên, tập trung nguồn lực để thực hiện; công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, quyết liệt, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, theo đó đã đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ bảo đảm khả thi, cơ bản đồng bộ, liên thông với các quy định của Đảng.

Hoàn thành mục tiêu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 ngay trong năm 2024 để các địa phương tập trung tổ chức đại hội đảng các cấp vào năm 2025; đồng thời trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập mới, nâng cấp nhiều đơn vị hành chính đô thị trong đó có thành phố Huế trực thuộc Trung ương và chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng.

Hoàn thành nhiệm vụ tham mưu thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCVN và lực lượng vũ trang theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khoá XII theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả.

Tập trung cao độ tham mưu hoàn thành các đề án, phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ theo chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ.

Tham mưu cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương và Thủ tướng Chính phủ phát động được nhiều phong trào, đợt thi đua đặc biệt, có sức lan tỏa sâu rộng, tạo khí thế thi đua hăng say lao động, sản xuất, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội để không ai bị bỏ lại phía sau.

Công tác cải cách hành chính nhà nước được triển khai quyết liệt và có nhiều đổi mới, tập trung quyết liệt vào việc cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo bảo đảm ổn định, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề phức tạp nổi lên trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.

Công tác thanh tra, pháp chế năm 2024 đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ; nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật công vụ; phát hiện và đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ.

Công tác văn thư - lưu trữ; tổ chức phi chính phủ; công tác thanh niên được thực hiện đầy đủ và toàn diện; hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng đã có nhiều đổi mới, đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của lĩnh vực nội vụ.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Nội vụ thẳng thắn nhìn nhận vẫn còn

một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
- Công tác triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có lúc, có nơi chưa kịp thời, nhất là tập huấn, hướng dẫn triển khai các chính sách mới ban hành; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tuy đã được cải thiện song hiệu quả chưa cao.
- Ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số công chức chưa ngang tầm với nhiệm vụ, nhất là ở những công việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật cần hoàn thành trong năm 2024 là rất lớn, phức tạp; nhiều vấn đề cần phải được rà soát, nghiên cứu, đánh giá tác động thận trọng, kỹ lưỡng mới có cơ sở đề xuất chính sách bảo đảm tính khả thi nên có nhiệm vụ chưa kịp tiến độ đề ra.
- Một số bộ quản lý chuyên ngành chậm ban hành các quy định để xác định vị trí việc làm nên việc phê duyệt VTVL chưa bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo.
- Kỷ cương, kỷ luật hành chính của CBCCVC ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm; trong quá trình thực thi công vụ còn có những hành vi chưa được sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, luôn bám sát, tuân thủ nghiêm, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ và của ngành; đồng thời tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, sát thực tiễn.

Hai là, phát huy sức mạnh đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo, quản lý; tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu; sự nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng của đội ngũ CBCCVC và người lao động.

Ba là, chủ động nắm chắc tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành để kịp thời rà soát, bổ sung, điều chỉnh thể chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Bốn là, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi pháp luật gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, phòng chống tiêu cực, lãng phí.

Năm là, nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ CBCC và người lao động.

Phần II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, như: Kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Kỷ niệm 80 năm thành lập nước và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; đặc biệt là Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Bộ Nội vụ, Ngày truyền thống của ngành Tổ chức nhà nước (28/8/1945-28/8/2025). Với niềm tự hào truyền thống vẻ vang được kết tinh qua các thời kỳ, toàn ngành Nội vụ cùng đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch năm 2025 với phương châm hành động là **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, hiệu năng, hiệu quả”**, góp phần cùng cả nước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHUNG

Toàn ngành Nội vụ tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, UBTWQH và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó trọng tâm là hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật của ngành nội vụ; xây dựng đồng bộ các giải pháp để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao; tập trung tham mưu cấp thẩm quyền đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới; tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, CCHC và phân cấp, phân quyền trong tất cả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Nội vụ; tăng cường tự chủ ĐVSNCL và thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ công; tổ chức triển khai có hiệu quả sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; tham mưu xây dựng chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư và xử lý tài sản công sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn ngành là triển khai thực hiện hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Bộ Nội vụ bảo đảm chủ động, thống nhất, đồng thuận, dân chủ, công khai, minh bạch và làm tốt công tác chính trị, tư tưởng để đội ngũ cán bộ, công chức của Bộ sau khi hợp nhất yên tâm công tác, chấp hành và phát huy giá trị văn hoá cốt lõi của 2 Bộ khi hợp nhất để cùng nhau thi đua đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

2. Tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khẩn trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc, nhất là các công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm; đồng thời tập trung đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các bộ, ngành và địa phương. Tiếp tục sắp xếp, đẩy mạnh tự chủ đối với các ĐVSNCL của bộ, ngành, địa phương bảo đảm mục tiêu của

Nghị quyết 19-NQ/TW đề ra.

3. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC sau sắp xếp, tổ chức bộ máy. Trước mắt tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức; tập trung xây dựng, thẩm định trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; đồng thời tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

4. Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc **51** địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 đã được UBND tỉnh thông qua khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVC, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025; đồng thời, tiếp tục rà soát, đề xuất phương án sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đối với những đơn vị hành chính chưa đủ tiêu chí về diện tích, dân số theo Nghị quyết số 35/2023/UBND tỉnh của UBND tỉnh để chủ động phương án việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

5. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức; hoàn thiện tiêu chí đánh giá CBCCVC dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong khu vực công; nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ và thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

6. Chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng các văn kiện và điều kiện cần thiết để tổ chức thành công đại hội đảng các cấp của toàn ngành trong năm 2025, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị đơn vị hình thành sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

7. Triển khai tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025 và thiết thực chào mừng các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước; thực hiện tốt, có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, nhất là các phong trào thi đua, đợt thi đua đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ phát động tạo không khí hồ hởi, phấn khởi hăng say lao động sản xuất, huy động mọi nguồn lực của xã hội đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bảo đảm an sinh xã hội để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

8. Tiếp tục triển khai các nội dung cải cách chính sách tiền lương theo Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và xây dựng báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 (năm 2025) về việc thực hiện cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội.

9. Thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, trong đó đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, không để phát sinh thủ tục, quy định, quy chuẩn nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; tham mưu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách công vụ. Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung vào Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện chuyển đổi số ở tất cả các ngành kinh tế.

Toàn ngành thực hiện chuyển đổi số, đồng bộ, hiệu quả, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục cập nhật, bổ sung làm giàu CSDLQG về CBCCVC để đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CBCCVC; đồng thời tập trung hoàn thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; tiếp tục triển khai công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trên các nền tảng đào tạo trực tuyến đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

10. Quan tâm, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; văn thư - lưu trữ, công tác thanh niên, tổ chức phi chính phủ, công tác thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đào tạo đào, bồi dưỡng nguồn lực phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước của ngành; đồng thời làm tốt công tác truyền thông để các cấp, các ngành và người dân đồng thuận, chia sẻ và ủng hộ Bộ và ngành trong công cuộc đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả nền hành chính nhà nước.

11. Vụ/Ban Tổ chức cán bộ các bộ, ngành, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ. Trong đó, chú trọng công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm, nhất là các cơ quan, đơn vị thực hiện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; đồng thời chú trọng đào tạo, đào tạo lại CBCCVC bảo đảm có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ khi cơ cấu lại đội ngũ; giải quyết kịp thời CBCCVC, tài sản dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; tăng cường quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng CSDL chuyên ngành; cập nhật, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC bảo đảm "Đúng - Đủ - Sạch - Sống" để đưa vào để đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý CBCCVC.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Một là, tập trung hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức để bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ và các lĩnh vực có liên quan đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy.

Hai là, rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, ĐVSNCL bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; giảm đầu mối bên trong của các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ

CBCCVC theo chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ; đề xuất giải quyết các vấn đề còn giao thoa giữa các bộ, cơ quan ngang bộ.

Ba là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương với phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nhất là đề cao trách nhiệm người đứng đầu nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Bốn là, xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngang tầm nhiệm vụ; rà soát cắt giảm tối đa các chứng chỉ không gắn với tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu của VTVL; tham mưu, sửa đổi các quy định hiện hành theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng CBCCVC; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, chú trọng bồi dưỡng về trình độ, năng lực, đạo đức công vụ; có cơ chế tạo động lực để khuyến khích CBCCVC tận tâm, tận tụy và phát huy được năng lực, sở trường của mình phục vụ cho công việc chung.

Năm là, chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính và ĐVHC, kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền hướng dẫn, tháo gỡ cho các bộ, ngành, địa phương.

Sáu là, chú trọng cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của toàn ngành; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; đề cao ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là người đứng đầu và phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng các ngày lễ lớn, trọng đại của đất nước và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ XI trong năm 2025.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025 của ngành Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTg TTCP Nguyễn Hòa Bình (để báo cáo);
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà (để báo cáo);
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, VP (P.TH-TK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN BAN HÀNH
VÀ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày /12/2024 của Bộ Nội vụ)

STT	Tên văn bản	Ghi chú
I	CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN ĐÃ TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ (06)	
1.	Báo cáo về các nội dung cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024
2.	Trình Ban Bí thư kết quả 20 năm thực hiện Thông báo số 119-TB/TW ngày 30/9/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Chủ trương công tác đối với Hồi giáo trong tình hình mới"	Tờ trình số 48-TTr/BCSD ngày 07/8/2024
3.	Trình Ban Bí thư ban hành kết luận về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới	Thông báo kết luận số 95-KL/TW ngày 14/9/2024
4.	Tờ trình về Giáo hội Phật giáo Việt Nam xin đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên hợp quốc năm 2025 tại Việt Nam	Tờ trình số 49-TTr/BCS ngày 16/9/2024
5.	Tờ trình về Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương	Tờ trình số 3240-TTr/BCSDCP ngày 10/9/2024 Công văn số 11308-CV/VPTW ngày 13/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng (Bộ Chính trị thống nhất với Đề án)
6.	Tổng kết thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và trình Bộ Chính trị xem xét ban hành Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới	Tờ trình số 52-TTr/BCSD ngày 16/10/2024

STT	Tên văn bản	Ghi chú
II	TRÌNH QUỐC HỘI BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH (01 Luật, 03 Nghị quyết)	
1.	Luật Lưu trữ (sửa đổi) (thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV)	Luật số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024
2.	Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung số lượng Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	Nghị quyết số 143/2024/QH15 ngày 26/8/2024
3.	Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hải Phòng.	Nghị quyết số 169/2024/QH15 ngày 30/11/2024
4.	Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương.	Nghị quyết số 175/2024/QH15 ngày 30/11/2024
III	TRÌNH UBTVQH BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH (53 Nghị quyết)	
1.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập phường An Điền, An Tây thuộc thị xã Bến Cát và thành lập thành phố Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương	Nghị quyết số 1012/NQ- UBTVQH15 ngày 19/3/2024
2.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập, sắp xếp các phường thuộc thị xã Gò Công và thành lập thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Nghị quyết số 1013/NQ- UBTVQH15 ngày 19/3/2024
3.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của các tỉnh/thành phố: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Bắc Giang, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Khánh Hoà, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Phú Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Bến Tre, Thanh Hoá, Yên Bái, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quảng Bình, Nghệ An, Long An, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Kiên Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Đà Nẵng, Cà Mau, Bình Thuận, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, An Giang, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Sơn La, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	51 Nghị quyết

STT	Tên văn bản	Ghi chú
IV	NGHỊ ĐỊNH TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (10 Nghị định)	
1.	Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của Thành phố Hồ Chí Minh	
2.	Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	
3.	Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước	
4.	Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	
5.	Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
6.	Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền thành phố Hồ Chí Minh	
7.	Nghị định số số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
8.	Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
9.	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ thay thế Nghị định số 45/2010/NĐCP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	
10.	Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	
V	NGHỊ QUYẾT TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (60)	
1.	Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 của Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tỏi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	
2.	Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	
3.	Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 04/5/2024 của Chính phủ về việc thông qua Tờ trình và Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025	
4.	Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 11/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới	
5.	Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	
6.	Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ về việc báo cáo Quốc hội về các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024	
7.	Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
8.	Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 24/9/2024 của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng	
9.	Nghị quyết số 151/NQ-CP ngày 24/9/2024 của Chính phủ về việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng theo trình tự thủ tục rút gọn	
10.	Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của các tỉnh, thành phố: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Bắc Giang, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Khánh Hoà, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Phú Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Bến Tre, Thanh Hoá, Yên Bái, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quảng Bình, Nghệ An, Long An, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Kiên Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Đà Nẵng, Cà Mau, Bình Thuận, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, An Giang, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Sơn La, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	51 Nghị quyết
VI	QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ, CÔNG ĐIỆN DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (28 Quyết định, 01 Chỉ thị, 01 Công điện)	
1.	Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 09/01/2024 của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo	
2.	Quyết định 54/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Hậu Giang	
3.	Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 24/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
4.	Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ	
5.	Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	
6.	Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
7.	Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
8.	Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024	
9.	Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	
10.	Quyết định 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ	
11.	Quyết định 269/QĐ-TTg 2024 ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
12.	Quyết định 495/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thuộc tỉnh Lạng Sơn	
13.	Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 12/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
14.	Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025	
15.	Quyết định 520/QĐ-TTg ngày 27/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu tại tỉnh Vĩnh Long	
16.	Quyết định 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 sửa đổi Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
17.	Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
18.	Quyết định số 107/QĐ-BCĐ ngày 19/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (từ khoá XII đến khoá XV)	
19.	Quyết định số 1098/QĐ-TTg ngày 03/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
20.	Quyết định số 1116/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lưu trữ	
21.	Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 10/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 về thành lập BCĐ đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
22.	Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
23.	Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
24.	Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Bến Tre	
25.	Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	
26.	Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Quảng trị	
27.	Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
28.	Quyết định số 1477/QĐ-TTg ngày 27/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
29.	Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới ĐBĐB toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI	
30.	Công điện số 11/CĐ-TTg ngày 30/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm nếp sống văn minh, an toàn, tiết kiệm trong các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Lễ hội Xuân 2024	
VII	THÔNG TƯ, VĂN BẢN HỢP NHẤT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH (13 Thông tư, 10 Văn bản hợp nhất)	
1.	Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	
2.	Thông tư số 02/2024/TT-BNV ngày 12 /6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết kháng chiến	
3.	Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ	
4.	Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức	
5.	Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
6.	Thông tư 06/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
7.	Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội	
8.	Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc	
9.	Thông tư số 09/2024/TT-BNV ngày 26/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ	
10.	Thông tư số 10/2024/TT-BNV ngày 10/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản QPPL do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	
11.	Thông tư số 11/2024/TT-BNV ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính	
12.	Thông tư số 12/2024/TT-BNV ngày 08/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	
13.	Thông tư số 13/2024/TT-BNV ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2024/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu	
14.	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	
15.	Văn bản hợp nhất số 02/VBHN ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
16.	Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 23/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất thông tư hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức	
17.	Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ	
18.	Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
19.	Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 22/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định Quy định về cơ quan thuộc Chính phủ	
20.	Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 23/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
21.	Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNV ngày 03/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
22.	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BNV ngày 16/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức giữa Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/2/2023 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024	
23.	Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNV ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức giữa Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024	

Phụ lục II
DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / 12/2024 của Bộ Nội vụ)

STT		NỘI DUNG
I		LUẬT (03)
1	1.	Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi)
2	2.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)
3	3.	Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)
II		NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI (01)
4	1.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
III		NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ (13)
5	1.	Nghị định hướng dẫn Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng.
6	2.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ năm 2024
7	3.	Nghị định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị
8	4.	Nghị định sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020) và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020).
9	5.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức
10	6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
11	7.	Nghị định quy định về chế độ chính sách đối với chuyên gia cao cấp
12	8.	Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng

STT		NỘI DUNG
13	9.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tình giảm biên chế
14	10.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
15	11.	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ
16	12.	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo
17	13.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ và Lao động (sau sáp nhập)
IV		THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ (09)
18	1.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng
19	2.	Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ
20	3.	Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số
21	4.	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ
22	5.	Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực nội vụ
23	6.	Thông tư thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016 hướng dẫn một số nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo
24	7.	Thông tư hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội
25	8.	Thông tư thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BNV ngày 10/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định quy trình, nội dung thanh tra về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức
26	9.	Thông tư hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã
V		CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN (07)
27	1.	Báo cáo sơ kết công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025
28	2.	Tham mưu tổ chức Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt thanh niên năm 2025

STT		NỘI DUNG
29	3.	Xây dựng báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 về việc thực hiện cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội theo quy định tại điểm đ mục 6.2 Nghị quyết số 142/2024/QH15
30	4.	Báo cáo kết quả hướng dẫn giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc năm 2025 tại Việt Nam
31	5.	Công tác đối với Công giáo Việt Nam trong tình hình mới
32	6.	Tham mưu tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI
33	7.	Phân định ranh giới quản lý biển, đảo đối với 28 tỉnh, thành phố có biển